

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 VÀ SỰ CHUYỂN BIẾN TRONG NHẬN THỨC CỦA CÁC CƯỜNG QUỐC VỀ CHỦ QUYỀN DÂN TỘC ĐỐI VỚI VIỆT NAM (1945 - 2025)

TRẦN THỊ VINH*

Cách mạng tháng Tám 1945 đã tạo nên một bước ngoặt lịch sử không chỉ thay đổi vận mệnh của dân tộc Việt Nam mà còn có ý nghĩa to lớn trong lịch sử thế giới thế kỷ XX, cổ vũ mạnh mẽ cho các nước thuộc địa và phụ thuộc đấu tranh giành chủ quyền dân tộc. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã đặt ra một thách thức lớn đối với tư duy thực dân về chủ quyền dân tộc của các nước thuộc địa và phụ thuộc. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, nhân dân Việt Nam phải trải qua các cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ lâu dài, gian khổ để bảo vệ nền độc lập dân tộc, buộc hai nước này phải từng bước thừa nhận chủ quyền dân tộc của Việt Nam theo những chuẩn mực quốc tế phổ quát. Từ cách tiếp cận lịch sử và quan hệ quốc tế, bài viết phân tích quá trình chuyển hóa trong nhận thức của Pháp và Mỹ về chủ quyền dân tộc đối với Việt Nam, tập trung vào những vấn đề sau đây: (i) Sự chuyển biến nhận thức của Pháp và Mỹ về chủ quyền dân tộc đối với Việt Nam trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh; (ii) Quá trình chuyển hóa nhận thức của Pháp và Mỹ về chủ quyền dân tộc đối với Việt Nam sau Chiến tranh Lạnh; (iii) Nhận xét và Kết luận.

1. Sự chuyển biến nhận thức của Pháp và Mỹ về chủ quyền dân tộc đối với Việt Nam trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh

1.1. Quá trình chuyển biến nhận thức của Pháp

Cách mạng tháng Tám năm 1945 diễn ra trong bối cảnh Thế chiến thứ Hai vừa kết thúc với sự suy yếu nghiêm trọng của các đế quốc thuộc địa, trong đó có thực dân Pháp. Đây là thời điểm mà các ý tưởng về chủ quyền dân tộc và quyền dân tộc tự quyết của các dân tộc thuộc địa lan rộng trên toàn cầu. Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mở ra kỷ nguyên độc lập tự do cho dân tộc Việt Nam. Trên cơ sở pháp lý quốc tế đã được nêu trong *Tuyên ngôn độc lập Mỹ* (1776), *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Pháp* (1789), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh đến “quyền tự do, bình đẳng, quyền mưu cầu hạnh phúc” của mỗi con người và “suy rộng ra” là quyền tự do bình đẳng của mọi dân tộc trên thế giới. Người khẳng định: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do,

*GS.TS. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

độc lập ấy” (1). Tuyên ngôn độc lập phản ánh những quyền cơ bản của dân tộc Việt Nam, là sự phát triển *Bản yêu sách tám điểm* mà Người gửi đến Hội nghị Versailles năm 1919, là sự tiếp nối *Chương trình Việt Minh* năm 1941. Đây là văn kiện pháp lý để khẳng định chủ quyền độc lập, tự do của Việt Nam, có ảnh hưởng lớn đến nhận thức quốc tế về chủ quyền dân tộc của Việt Nam.

Có thể thấy, trong bối cảnh Chiến tranh thế giới thứ Hai vừa kết thúc, *Tuyên ngôn độc lập* là thông điệp của nhân dân Việt Nam gửi đến thế giới về chủ quyền và quyền bình đẳng giữa các dân tộc. Đây cũng là cơ sở pháp lý quan trọng để Việt Nam đón quân Đồng minh vào giải giáp quân phiệt Nhật với tư cách là một quốc gia độc lập, có chủ quyền. Ngay từ tháng 1-1946, nhà sử học Pháp Phillippe Dervilles đã viết trên tờ *Le Monde* rằng: “Nước Pháp phải nhận thức được rằng một trang mới đã mở ra tại Đông Dương. Sẽ không còn chế độ thuộc địa hay giám hộ của Pháp nữa. Từ nay sẽ là sự hợp tác kiểu mới với nhân dân các nước thuộc địa cũ với nhịp độ phát triển ngày một tăng nhanh” (2).

Tuy nhiên, ngay sau đó thực dân Pháp tìm cách tái chiếm Đông Dương bằng cả biện pháp quân sự và ngoại giao. Sau Cách mạng tháng Tám 1945 đã diễn ra những cuộc tiếp xúc bí mật giữa đại diện chính phủ Pháp với Chủ tịch Hồ Chí Minh, “cuộc tranh luận gay go kéo dài xoay quanh hai thuật ngữ nhưng lại là hố sâu ngăn cách sâu sắc giữa lập trường hai bên. Phía Pháp chỉ muốn trao cho Việt Nam *chế độ tự trị trong Liên hiệp Pháp*, phía Việt Nam khẳng định rõ lập trường trong quan hệ Việt - Pháp là *độc lập và hợp tác*” (3). Việc Pháp ký kết Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946, văn bản pháp lý quốc tế đầu tiên với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

cho thấy Pháp đã bước đầu buộc phải công nhận Việt Nam như một chủ thể có chủ quyền trong quan hệ quốc tế. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Sự ký kết đó có một kết quả hay là nước Pháp thừa nhận Việt Nam là một nước tự chủ” (4). Mặc dù “Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do, có chính phủ, có nghị viện, có quân đội, có tài chính của mình...”, nhưng trên thực tế, Pháp vẫn coi Việt Nam là một bộ phận trong “Liên bang Đông Dương và Khối Liên hiệp Pháp” (5), đồng thời từ chối công nhận chủ quyền đầy đủ và bình đẳng của Việt Nam.

Sau sự kiện Pháp tấn công Hải Phòng, Hà Nội cuối năm 1946, nhân dân Việt Nam hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch đã bắt đầu cuộc kháng chiến chống Pháp kéo dài gần một thập niên (1946-1954). Trong thời gian này, phía Pháp vẫn duy trì lập trường bảo vệ lợi ích thực dân, tìm cách tạo dựng các chính thể thân Pháp (như “giải pháp Bảo Đại”), đồng thời bác bỏ tính chính danh của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Mặc dù Mỹ và Anh ra tuyên bố công nhận “Quốc gia Việt Nam của Bảo Đại” nhưng về thực chất cái “Quốc gia Việt Nam” này không có cơ sở nhân dân, không có Quốc hội, ngay cả Hội đồng tư vấn cũng không có, không có hiến pháp và trong nhiều năm không có cả ngân sách nữa... Nó hoàn toàn phụ thuộc vào quân đội, cảnh sát và ngân khố của nước Pháp” (6), như nhận xét của nhà sử học Phillippe Devillers.

Cuộc chiến tranh kéo dài ở Đông Dương đã gây cho Pháp những tổn thất nặng nề về quân sự và chính trị. Sau những thất bại liên tiếp trên chiến trường, đặc biệt là thất bại quyết định trong chiến dịch Điện Biên Phủ (1954), nhận thức của Pháp về chủ quyền dân tộc Việt Nam có sự thay đổi

mang tính bước ngoặt. Hội nghị Genève năm 1954 không chỉ chấm dứt sự hiện diện quân sự của Pháp tại Đông Dương, mà còn là sự thừa nhận thực tế rằng một nhà nước Việt Nam độc lập đã tồn tại và chiến thắng một cường quốc thực dân. Bản Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève ngày 21-7-1954 đã “ghi nhận tuyên bố của chính phủ Pháp về giải pháp khôi phục và củng cố hòa bình ở Việt Nam, Lào, Campuchia. Chính phủ Pháp sẽ tôn trọng sự tự do, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước” (7) cam kết tôn trọng những quyền dân tộc cơ bản. Mặc dù còn có những ràng buộc pháp lý và Việt Nam bị chia cắt tạm thời, nhưng đây là bước ngoặt lớn trong nhận thức của Pháp - *từ chủ thể thống trị chuyển sang đối tác đàm phán, với sự công nhận chủ quyền của dân tộc Việt Nam.*

Sau năm 1954, Pháp chủ trương thực hiện chính sách thúc đẩy quan hệ với Việt Nam dù trong giai đoạn đầu vẫn còn những dè dặt. Năm 1968, chính phủ Pháp chấp thuận việc Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam lập Phòng thông tin tại Thủ đô Paris, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình đàm phán về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam tại Paris trong những năm 1968-1973. Sau Hội nghị Paris 1973, Pháp thiết lập quan hệ ngoại giao cấp đại sứ với Việt Nam ngày 12-4-1973. Trong bối cảnh các nước phương Tây thực hiện chính sách bao vây, cấm vận đối với Việt Nam, Pháp là nước đi đầu trong khai thông quan hệ với Việt Nam trong thập niên 1980. Với mong muốn phát triển ảnh hưởng ở khu vực bán đảo Đông Dương, Pháp coi Việt Nam là một trong những ưu tiên, là cầu nối trong việc mở rộng hợp tác với các nước ở khu vực Đông Nam Á.

Thực tế lịch sử cho thấy, điểm nổi bật trong chính sách của Pháp là mặc dù có sự thăm dò, do dự trong thời gian đầu, phía Pháp đã từng bước thừa nhận ngày càng rõ ràng và đầy đủ về chủ quyền dân tộc, tính chính danh, chủ quyền của Nhà nước Việt Nam. Trong quan hệ song phương, Pháp thể hiện sự tôn trọng chủ quyền và sự lựa chọn của nhân dân Việt Nam, đồng thời chủ động phát triển quan hệ trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục mang chiều sâu lịch sử và tính bình đẳng. Đặc biệt trong các vấn đề quốc tế phức tạp như Biển Đông, Pháp có xu hướng ủng hộ quan điểm của Việt Nam về giải quyết tranh chấp bằng luật pháp quốc tế, gián tiếp ủng hộ lập trường chủ quyền của Việt Nam mà không đặt lại các yếu tố có liên quan đến lịch sử thực dân cũ.

1.2. Sự thay đổi nhận thức của Mỹ

Trong những năm 1945-1950, lập trường của Mỹ về vấn đề Việt Nam có những thay đổi dưới tác động của Chiến tranh Lạnh. Vào giai đoạn cuối của Chiến tranh thế giới thứ Hai, quan điểm của Tổng thống Mỹ F. Roosevelt là thiết lập một “chế độ ủy trị quốc tế” ở Đông Dương và phản đối việc thực dân Pháp quay trở lại Đông Dương (8). Tuy nhiên, sau khi Tổng thống F. Roosevelt qua đời, Phó Tổng thống H. Truman lên thay với cách tiếp cận chính sách đối ngoại cứng rắn dưới góc độ địa chính trị trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh. Với chủ trương cô lập Liên Xô, tranh thủ quan hệ đồng minh với Anh và Pháp trong những vấn đề quốc tế quan trọng, Truman không ủng hộ “chế độ ủy trị quốc tế” ở Đông Dương như F. Roosevelt đã từng đề xuất và ủng hộ việc Pháp giữ lại thuộc địa như một phần của liên minh chống cộng sản. Trong cuốn sách *Tại sao Việt Nam?*, tác giả L.A.

Patti cho rằng, chính quyền Truman đã ngã từ phương hướng chiến lược thời chiến sang lĩnh vực kinh tế chính trị trong mối quan hệ giữa Mỹ và Pháp"...; "ở Đông Nam Á, chúng ta nhất thiết phải cùng hội, cùng thuyền với người Pháp cũng như với người Anh và Hà Lan" (9). Đó là lý do giải thích vì sao Mỹ đã không phản hồi trước những nỗ lực từ phía Việt Nam như việc Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp xúc trực tiếp với phái đoàn Mỹ ở Hà Nội và nhiều lần gửi thư cho Tổng thống Truman và Ngoại trưởng Mỹ yêu cầu sự ủng hộ chính trị cho nền độc lập non trẻ của Việt Nam (10). Mỹ thực hiện chính sách ủng hộ Pháp tái chiếm Đông Dương, chống lại cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam dưới chiêu bài "chống cộng sản". Mỹ không công nhận Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và chính thức viện trợ quân sự cho Pháp nhằm chống phá phong trào độc lập dân tộc ở Đông Dương từ tháng 7-1950. Trong vòng bốn năm (1950-1954), Mỹ viện trợ cho thực dân Pháp khoảng 1,2 tỷ USD, riêng năm 1954, viện trợ của Mỹ chiếm hơn 70% ngân sách quân sự của Pháp (11).

Thất bại của Pháp ở Điện Biên Phủ đã tạo ra một thách thức lớn cho chiến lược toàn cầu của Mỹ ở khu vực Đông Nam Á. Từ tháng 8-1954, thực hiện Nghị quyết NSC 5429/2, Mỹ công khai can thiệp trực tiếp vào Việt Nam, từng bước loại bỏ vai trò của người Pháp khỏi vấn đề Việt Nam (12), hỗ trợ Ngô Đình Diệm xây dựng miền Nam Việt Nam thành một quốc gia riêng. Mỹ trực tiếp thiết lập quan hệ, viện trợ kinh tế, quân sự cho chính thể Quốc gia Việt Nam (sau này là Việt Nam Cộng hòa) thiết lập "pháo đài chống cộng sản" tại miền Nam Việt Nam trong khuôn khổ *Học thuyết domino*. Từ năm 1965, Mỹ ồ ạt đưa quân đội

viễn chinh Mỹ và chực hầu vào miền Nam Việt Nam trực tiếp tham chiến. Tuy nhiên, từ cuối thập niên 1960, dưới sức ép của phong trào phản chiến trong nước và những thất bại chiến lược tại chiến trường, nhận thức của Mỹ bắt đầu có sự thay đổi. Báo cáo *Pentagon Papers* (1971) và các cuộc điều trần tại Quốc hội Mỹ cho thấy một sự lung lay trong niềm tin về tính chính danh và tính khả thi của việc can thiệp quân sự. Mỹ dần phải chấp nhận rằng không thể phủ nhận hoàn toàn tính chính đáng và chủ quyền dân tộc của người Việt Nam, kể cả lực lượng từng bị coi là "đối thủ cộng sản".

Cuộc Tổng tiến công tết Mậu Thân 1968 của quân dân miền Nam Việt Nam đã giáng một đòn quyết định vào chiến lược "Chiến tranh cục bộ", buộc Mỹ phải bắt đầu quá trình xuống thang chiến tranh, đồng thời "gây ra một chấn động mạnh trên toàn nước Mỹ" (13). Trước sức ép của dư luận Mỹ, Tổng thống Johnson đã buộc phải chấp nhận thương lượng với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để "tìm kiếm một nền hòa bình trong danh dự". Từ đây bắt đầu các cuộc đàm phán chính thức Việt Nam - Mỹ tại Paris kéo dài gần 5 năm, được đánh giá là "cuộc đàm phán hòa bình dài nhất trong lịch sử thế giới". Khác với Hội nghị Genève (1954) do các nước lớn mở và đàm phán với nhau, Hội nghị Paris do *Việt Nam chủ động mở, trực tiếp đàm phán và ký kết với Mỹ*" (14). Việc Mỹ ký Hiệp định Paris năm 1973, rút quân khỏi miền Nam Việt Nam và thừa nhận vai trò của Chính phủ Cách mạng lâm thời là dấu mốc quan trọng, không chỉ trong tiến trình chấm dứt chiến tranh mà còn đánh dấu bước ngoặt trong sự thay đổi nhận thức chiến lược của Mỹ. Từ chỗ bác bỏ hoàn toàn chính quyền cách mạng, *Mỹ đã buộc phải đàm phán*

với Việt Nam trên cơ sở bình đẳng, cam kết tôn trọng độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Sau năm 1975, Mỹ cắt đứt quan hệ với Việt Nam và thực thi chính sách cấm vận; chính giới Mỹ giữ quan điểm Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là “thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản” chứ không phải kết quả chính đáng của cuộc đấu tranh giành chủ quyền dân tộc. Quan hệ Việt - Mỹ đóng băng trong hai thập niên, chính quyền Mỹ qua nhiều thế hệ lãnh đạo sử dụng các biện pháp bao vây, cấm vận với mục tiêu làm cho Việt Nam kiệt quệ về kinh tế, chính trị. Tuy nhiên, thực tiễn quốc tế những năm 1980-1990 đã làm thay đổi căn bản bức tranh nhận thức đó. Cùng với sự sụp đổ của Liên Xô và sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh, các ưu tiên chiến lược của Mỹ dần thay đổi. Đồng thời, những thành tựu của công cuộc *Đổi mới* của Việt Nam từ năm 1986, cùng với tiềm năng phát triển và vai trò ngày càng tích cực của Việt Nam trong các vấn đề khu vực, khiến Mỹ không thể tiếp tục duy trì chính sách đối đầu.

2. Sự chuyển hóa nhận thức của Pháp và Mỹ về chủ quyền dân tộc của Việt Nam sau Chiến tranh Lạnh

2.1. Pháp: Từ quá khứ thực dân đến quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Việt Nam

Khác với Mỹ, Pháp có một quá khứ thực dân gắn bó với Việt Nam kéo dài gần một thế kỷ. Sau Chiến tranh Lạnh, trong bối cảnh Việt Nam thực hiện công cuộc đổi mới, trên cơ sở Pháp tôn trọng chủ quyền, bình đẳng, đôi bên cùng có lợi với Việt Nam, quan hệ Việt - Pháp có những bước tiến mạnh mẽ, vững chắc. Từ góc nhìn của một nhà sử học, Pierre Journoud cho rằng trong lịch sử quan hệ Việt - Pháp sau

Chiến tranh Lạnh, chuyến thăm Việt Nam năm 1993 của Tổng thống Pháp Francois Mitterrand là một cột mốc lịch sử vì đây là chuyến thăm đầu tiên của một nguyên thủ quốc gia phương Tây đến nước Việt Nam thống nhất. Chuyến thăm “rất quan trọng đối với Việt Nam, bởi thời điểm đó Việt Nam chưa thực sự nhận được sự ủng hộ mạnh từ các cường quốc, nhất là Mỹ (khi đó còn cấm vận) và Tổng thống Francois Mitterrand thực sự muốn sát cánh cùng Việt Nam trên con đường hội nhập quốc tế và khu vực”. Và đây cũng là lần đầu tiên một Tổng thống Pháp thừa nhận rằng “chiến tranh Đông Dương là một sai lầm” (15). Quan hệ hai nước phát triển không ngừng trên tất cả các lĩnh vực, đến tháng 9-2013 hai nước nâng cấp lên quan hệ đối tác chiến lược. Sự tin cậy chiến lược giữa hai nước ngày càng được củng cố, Việt Nam trở thành một đối tác đặc biệt quan trọng của Pháp ở Đông Nam Á, là cửa ngõ để Pháp tiến vào khu vực và tham gia các thiết chế đa phương của khu vực.

Sau hơn một thập niên thiết lập quan hệ đối tác chiến lược, tháng 10-2024, quan hệ Việt - Pháp được nâng cấp lên *quan hệ đối tác chiến lược toàn diện*, cấp độ quan hệ cao nhất mà Việt Nam thiết lập với các quốc gia khác từ sau Chiến tranh Lạnh. Pháp là quốc gia đầu tiên trong EU có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Việt Nam. Đến nay, Pháp luôn coi trọng vị trí của Việt Nam trong khu vực cũng như trong các chiến lược, chính sách mà Pháp đã và đang triển khai tại Đông Nam Á và khu vực châu Á-Thái Bình Dương. Gần đây, trong chuyến thăm cấp nhà nước tới Việt Nam tháng 5-2025, Tổng thống Pháp Emmanuel Macron tái khẳng định tầm quan trọng đặc biệt của việc tôn trọng độc lập, chủ

quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, nhấn mạnh việc hai nước nâng cấp lên quan hệ đối tác chiến lược toàn diện thực sự là một trang sử mới được viết lên trong quan hệ giữa hai nước trên các lĩnh vực kinh tế, thương mại, khoa học công nghệ, công nghiệp, quốc phòng, giáo dục đào tạo. Đặc biệt, Tổng thống Pháp E. Macron đề cập đến “quan hệ đối tác chủ quyền” giữa hai quốc gia Việt Nam và Pháp như là trục trung tâm của chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Pháp. Việc đánh giá vai trò Việt Nam như “một trục kết nối Đông Nam Á và châu Âu” cho thấy tầm nhìn chiến lược mới của Pháp không chỉ về địa lý mà cả tầm vóc chính trị mới của Việt Nam (16).

2.2. Mỹ: Từ “cựu thù” đến quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Việt Nam

Sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, cùng với sự thay đổi của cục diện toàn cầu, Mỹ từng bước điều chỉnh quan điểm từ không công nhận và thực hiện chính sách cấm vận đến công nhận, tôn trọng chủ quyền Việt Nam. Quá trình này diễn ra trong hai thập niên, không chỉ thể hiện sự điều chỉnh chiến lược toàn cầu của Mỹ, mà còn là thành quả của công cuộc Đổi mới từ năm 1986 và đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ cũng như sự lớn mạnh về vị thế quốc tế của Việt Nam. Các cuộc tiếp xúc Việt - Mỹ về vấn đề nhân đạo, tìm kiếm người mất tích trong chiến tranh (POW/MIA) đã trở thành cầu nối cho quá trình bình thường hóa quan hệ hai nước. Ngày 11-7-1995, Tổng thống Bill Clinton chính thức tuyên bố bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam, chính thức công nhận tính chính danh và chủ quyền quốc gia của Việt Nam, mở ra thời kỳ hợp tác mới giữa hai nước (17).

Sau khi bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam, Mỹ từng bước chuyển từ công nhận chủ quyền sang hợp tác chính thức, nhấn mạnh nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và thể chế chính trị của Việt Nam trong các tuyên bố chung. Trên nền tảng sự công nhận về chính trị, việc ký kết *Hiệp định Thương mại song phương* (năm 2000), quá trình ủng hộ Việt Nam gia nhập *Tổ chức thương mại thế giới WTO* (2007) là minh chứng rõ rệt cho thấy chính quyền Mỹ đã công nhận Việt Nam là một chủ thể có chủ quyền, bình đẳng trong hệ thống kinh tế toàn cầu (18). Từ cơ sở đó, chính quyền Mỹ có sự chuyển biến tư duy trong việc tiếp cận Việt Nam từ “cựu thù” trở thành một “đối tác”. Đó là cơ sở để hai nước nâng cấp quan hệ lên *Đối tác toàn diện năm 2013*. Đây không phải là sự nâng cấp mang tính hình thức mà là dấu hiệu cho thấy Mỹ đã từ bỏ tư duy phủ nhận chủ quyền dân tộc của Việt Nam như trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Thực tế cho thấy, sự chuyển biến trong nhận thức của Mỹ phản ánh xu hướng “không can thiệp vào thể chế chính trị nội bộ” của Việt Nam là một bước tiến vượt ra khỏi tâm lý “chống cộng” thời hậu chiến. Một số học giả, như Mark E. Manyin cho rằng, chính sự ổn định về thể chế chính trị của Việt Nam là cơ sở tạo nên lòng tin đối tác của Mỹ trong dài hạn (19).

Cùng với sự phát triển trong quan hệ đối tác toàn diện, Mỹ từng bước thừa nhận vai trò chủ quyền của Việt Nam trong cấu trúc khu vực. Trong bối cảnh tình hình khu vực châu Á - Thái Bình Dương có nhiều biến động trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI, đặc biệt là việc Trung Quốc gia tăng hoạt động quân sự hóa ở Biển Đông, Mỹ thể hiện lập trường rõ ràng hơn về chủ quyền lãnh thổ và lãnh hải của Việt Nam,

phản đối các hành vi xâm phạm vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, đồng thời khẳng định Công ước Liên hợp quốc về Luật biển 1982 (UNCLOS 1982) là cơ sở để giải quyết tranh chấp trên Biển Đông. Năm 2016, Tổng thống B. Obama tuyên bố dỡ bỏ hoàn toàn *Lệnh cấm vận vũ khí sát thương*, coi đó là bước đi khẳng định niềm tin vào Việt Nam như một quốc gia có trách nhiệm và có chủ quyền trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng (20). Mỹ xác định Việt Nam ở vị trí đối tác hàng đầu trong ASEAN và ưu tiên trong tổng thể chính sách đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Ngày 10-9-2023, Mỹ tuyên bố nâng cấp quan hệ song phương lên *Đối tác chiến lược toàn diện* nhân chuyến thăm cấp Nhà nước tới Việt Nam của Tổng thống Joe Biden, ghi dấu mốc quan trọng mới trong quan hệ hai nước. Tuyên bố chung về thiết lập quan hệ *Đối tác chiến lược toàn diện Việt - Mỹ* (2023) có thể coi là đỉnh cao của sự chuyển biến nhận thức của Mỹ đối với chủ quyền dân tộc của Việt Nam. Tuyên bố “nhấn mạnh các nguyên tắc nền tảng định hướng quan hệ Việt Nam - Mỹ, bao gồm tôn trọng Hiến chương Liên hợp quốc, luật pháp quốc tế và tôn trọng thể chế chính trị, độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau”. Đồng thời, “Mỹ ghi nhận tiềm năng to lớn của Việt Nam trở thành quốc gia chủ chốt trong ngành công nghiệp bán dẫn toàn cầu”, coi Việt Nam là một trung tâm trong chuỗi cung ứng toàn cầu, chuyển giao công nghệ cao và đảm bảo an ninh năng lượng - dựa trên sự tin tưởng vào tính tự chủ và năng lực hoạch định chính sách độc lập của Việt Nam (21).

3. Nhận xét và Kết luận

Từ những phân tích về quá trình chuyển biến trong nhận thức của Pháp và Mỹ về

chủ quyền dân tộc đối với Việt Nam có thể đưa ra những nhận xét sau đây:

Thứ nhất, di sản của Cách mạng tháng Tám 1945 đã đặt nền tảng vững chắc cho cuộc đấu tranh giành chủ quyền của dân tộc Việt Nam. Thông qua việc giành chính quyền và khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhân dân Việt Nam đã khẳng định quyền làm chủ lịch sử, thể hiện tính tiên phong trong phong trào chống chủ nghĩa thực dân, giành chủ quyền dân tộc trên phạm vi toàn cầu. Cách mạng Tháng Tám 1945 không chỉ mở ra kỷ nguyên độc lập cho Việt Nam mà còn tác động đến quá trình định hình lại tư duy chính trị quốc tế về chủ quyền dân tộc trong bối cảnh các cường quốc chưa sẵn sàng từ bỏ những lợi ích của chủ nghĩa thực dân. Chủ quyền dân tộc được hiểu là quyền tối cao của dân tộc trên lãnh thổ của mình trên cơ sở luật pháp quốc tế. Mỗi dân tộc có toàn quyền quyết định mọi vấn đề về chính trị - ngoại giao, quốc phòng - an ninh, kinh tế, văn hóa - xã hội... mà không có sự can thiệp từ bên ngoài. Chủ quyền dân tộc, chủ quyền quốc gia là thuộc tính chính trị pháp lý, là quyền làm chủ của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, đối với các nước thuộc địa và phụ thuộc trước đây, trong đó có Việt Nam, chủ quyền dân tộc không phải là một quyền cơ bản được mặc nhiên công nhận mà là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ, từ những cuộc chiến tranh khốc liệt đến những cuộc thương thuyết kéo dài hàng thập kỷ. Đối với Việt Nam, nhân dân Việt Nam đã phải trải qua cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước với sự hy sinh xương máu của nhiều thế hệ để bảo vệ chủ quyền dân tộc, chủ quyền quốc gia chính đáng của mình.

Thứ hai, về các yếu tố thúc đẩy sự chuyển hóa nhận thức của các cường quốc (Pháp và Mỹ) về chủ quyền dân tộc của Việt Nam. Có thể thấy, sự thay đổi này là một tiến trình chiến lược mang tính thực dụng của các cường quốc. Qua từng giai đoạn lịch sử, các cường quốc đã từng bước thay đổi nhận thức từ đối đầu, phủ nhận đến công nhận và tôn trọng sâu sắc chủ quyền dân tộc của Việt Nam. Sự thay đổi này không chỉ phản ánh quá trình điều chỉnh chiến lược của Pháp và Mỹ mà còn khẳng định vị thế, vai trò, bản lĩnh độc lập của Việt Nam trên trường quốc tế. Đó chính là nhân tố làm thay đổi gốc rễ nhận thức của các cường quốc về chủ quyền của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc, khiến nhận thức của họ không còn dựa trên quan hệ quyền lực hay phân tầng văn minh, mà dựa trên nguyên tắc bình đẳng và hợp tác trong khuôn khổ luật pháp quốc tế. Đồng thời, quá trình này không tách rời bối cảnh toàn cầu với những chuyển biến của tình hình thế giới, khu vực châu Á - Thái Bình Dương sau Chiến tranh Lạnh. Trong đó, nổi bật là sự phát triển của phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc, phong trào phi thực hóa, sự phát triển của các thể chế đa phương, vai trò của Liên hợp quốc... Đối với Mỹ, việc thay đổi nhận thức về Việt Nam để tiến tới bình thường hóa quan hệ năm 1995 là một tiến trình phức tạp, kéo dài nhiều năm. Quá trình này gắn với sự điều chỉnh

chiến lược, sự chuyển biến tư duy chính trị cũng như sức ép của dư luận nước Mỹ và cộng đồng quốc tế.

Thứ ba, Việt Nam đã trải qua một chặng đường dài từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 để khẳng định và buộc các cường quốc thừa nhận chủ quyền dân tộc không chỉ về hình thức pháp lý mà cả về chiều sâu nhận thức. Nhìn lại lịch sử có thể thấy, Cách mạng tháng Tám 1945 chính là điểm khởi đầu cho quá trình “giải nhận thức” của các cường quốc thực dân về chủ quyền dân tộc đối với các nước thuộc địa và phụ thuộc trước đây. Việc khảo sát các dấu mốc quan trọng - từ phản ứng ban đầu của các cường quốc đối với Cách mạng tháng Tám 1945, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954), cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975), đến quá trình bình thường hóa và hợp tác chiến lược cho thấy vai trò của một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đối với việc định hình lại nhận thức và hành vi kéo dài nhiều thập kỷ của các cường quốc. Sự kiên định mục tiêu của nhân dân Việt Nam trong hành trình bảo vệ chủ quyền dân tộc thực sự đã khơi nguồn và truyền cảm hứng cho các dân tộc bị áp bức cho cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, làm thay đổi căn bản nhận thức của các cường quốc về chủ quyền dân tộc. Chủ quyền dân tộc, chủ quyền quốc gia gắn với độc lập tự do, tự lực tự cường là di sản tư tưởng của Việt Nam trong thế giới nhiều biến động hôm nay.

CHÚ THÍCH

(1). Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.3.

(2). Dẫn theo Bích Hà. *Vinh biệt Philippe Dervilles-người bạn thân thiết của Việt Nam*. Vietnam Plus, 24-2-2016. <https://www.vietnamplus.vn/vinh-biet-philippe-devillers-nguoi-ban-than-thiet-cua-viet-nam-post372612.vnp>.

(3). Vũ Dương Ninh. *Quan hệ đối ngoại của Việt Nam từ 1940 đến nay*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2014, tr.47.

- (4). Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. tập 4, sđd, 2011, tr.228.
- (5). Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. tập 4, sđd, 2011, tr.583.
- (6). Devillers Ph. *Paris - Saigon - Hà Nội*. Nxb. Tp.Hồ Chí Minh, 1993, tr.493.
- (7). Bộ Ngoại giao. *Hiệp định Genève 50 năm nhìn lại*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.315.
- (8). Lương Ninh (Chủ biên), Đỗ Thanh Bình, Trần Thị Vinh. *Đông Nam Á: Lịch sử từ nguyên thủy đến ngày nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 612.
- (9). Patti L.A. *Tại sao Việt Nam?* Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, 1995, tr.384.
- (10). Thông tấn xã Việt Nam, *Tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ về cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam*, tập 1, Hà Nội, 1971, tr.22.
- (11). Lương Ninh (Chủ biên), Đỗ Thanh Bình, Trần Thị Vinh. *Đông Nam Á: Lịch sử từ nguyên thủy đến ngày nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.614.
- (12). The Pentagon Papers 1971, Vol 1, Published by The New York Times. New York 1971, Bantam Books, tr.15.
- (13). Harring G.C. *Cuộc chiến tranh dài ngày nhất của nước Mỹ*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.245.
- (14). Dẫn theo VnExpress. *Cuộc đàm phán dài nhất lịch sử tại Paris*, 25/1/2023. <https://vnexpress.net/cuoc-dam-phan-dai-nhat-lich-su-tai-paris-4563191.html>
- (15). Dẫn theo Đài tiếng nói Việt Nam. *Quan hệ Việt - Pháp sâu đậm và mạnh mẽ hơn nhiều con số 45*, 2/11/2018. <https://vov.vn/chinh-tri/quan-he-viet-phap-sau-dam-va-manh-me-hon-nhieu-con-so-45-nam-833153.vov>
- (16). Thông tấn xã Việt Nam. *Nhân vật và sự kiện*, 26/5/2025 <https://nvsk.vnanet.vn/chu-tich-nuoc-luong-cuong-va-tong-thong-phap-emmanuel-macron-gap-go-bao-chi-ha-noi-ttxvn-26-5-2025-8-170780.vna>
- (17). Bill Clinton. *Statement on the Normalization of Diplomatic Relations with Vietnam*. The American Presidency Project, 1995.
- (18). Xem thêm Lê Hồng Hiệp. *Việt Nam và trật tự khu vực châu Á-Thái Bình Dương*. Nxb. Tri thức, 2017, tr.145-149.
- (19). Manyin M.E. *US - Vietnam Relation in 2014: Current Issues and Implications for US Policy*. Congressional Research Service, 2014.
- (20). Barack Obama. *Remarks in Hanoi on Lifting the U.S. Arms Embargo*, White House Archives, 2016.
- (21). Bộ Ngoại giao Việt Nam. *Tuyên bố chung Việt - Mỹ về thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện*, ngày 10-9-2023.